

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province
Email: Yfatuf@gmail.com
Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ I NIÊN ĐỘ 2020-2021

Kính gửi:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/10/2020)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.835.289.161	76.364.131.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.941.103.573	39.632.790.637
I. Tiền	111		10.241.103.573	4.032.790.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.700.000.000	35.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.269.916.192	24.724.125.540
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.055.959.579	17.602.389.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.161.449.000	4.777.985.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.058.165.163	2.349.407.855
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	57.115.329.743	11.505.873.997
1. Hàng tồn kho	141		57.115.329.743	11.505.873.997
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.8	508.939.653	501.341.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		508.939.653	26.456.440
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	474.885.062
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.115.906.810	39.882.715.954
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.9	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/10/2020)
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.954.183.947	23.909.631.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	46.940.623.463	23.881.820.663
- Nguyên giá	222		166.634.044.657	141.068.815.030
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(119.693.421.194)	(117.186.994.367)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	13.560.484	27.810.484
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(157.439.516)	(143.189.516)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	880.465.927	14.925.466.360
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		880.465.927	14.925.466.360
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	1.281.256.936	1.047.618.447
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.281.256.936	1.047.618.447
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/10/2020)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 - 100 + 200)	270		187.951.195.971	116.246.847.630
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		109.503.253.489	30.366.852.283
I. Nợ ngắn hạn	310		109.476.403.489	30.340.002.283
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.351.683.534	4.393.603.561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.894.804.099	244.411.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.210.454.816	9.607.758.801
4. Phải trả người lao động	314		17.158.671.916	12.039.084.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.225.534.694	550.494.504
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	21.280.117.695	1.212.509.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	38.298.422.410	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	954.377.877	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	4.102.336.448	2.292.139.527
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2020)	Số đầu năm (01/10/2020)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.447.942.482	85.879.995.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	78.447.942.482	85.879.995.347
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.042.628.692	2.019.361.390
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.722.023.119	31.177.343.286
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.499.513.698	1.061.006.774
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.222.509.421	30.116.336.512
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		187.951.195.971	116.246.847.630

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I niên độ 2020-2021 (từ 01/10-31/12/2020)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I NIÊN ĐỘ 2020-2021		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/10-31/12/2020)	Năm trước (01/10-31/12/2019)	Năm nay (01/10-31/12/2020)	Năm trước (01/10-31/12/2019)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	152.459.405.944	107.401.110.383	152.459.405.944	107.401.110.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	579.496.100	0	579.496.100	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		151.879.909.844	107.401.110.383	151.879.909.844	107.401.110.383
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	124.594.786.460	90.282.686.555	124.594.786.460	90.282.686.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		27.285.123.384	17.118.423.828	27.285.123.384	17.118.423.828
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	281.945.428	489.397.140	281.945.428	489.397.140
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	124.340.377	11.080.776	124.340.377	11.080.776
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		76.294.182	0	76.294.182	0
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	2.509.517.519	2.412.872.455	2.509.517.519	2.412.872.455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	6.300.451.399	7.072.608.276	6.300.451.399	7.072.608.276
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.632.759.517	8.111.259.461	18.632.759.517	8.111.259.461
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	48.181.819	0	48.181.819
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.549.990	26.200.637	2.549.990	26.200.637
13. Lợi nhuận khác (40 - 31 - 32)	40		(2.549.990)	21.981.182	(2.549.990)	21.981.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.630.209.527	8.133.240.643	18.630.209.527	8.133.240.643
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.407.700.106	1.381.789.228	2.407.700.106	1.381.789.228
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		16.222.509.421	6.751.451.415	16.222.509.421	6.751.451.415
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3.098	1.289	3.098	1.289
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Trần Công Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) ()*
Quý I niên độ 2020-2021 (từ 01/10-31/12/2020)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2020)	Năm trước (01/10-31/12/2019)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.630.209.527	8.133.240.643
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.520.676.827	1.568.104.423
- Các khoản dự phòng	03		954.377.877	153.323.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		31.772.929	(3.412.622)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		157.605.051	478.316.364
- Chi phí lãi vay	06		76.294.182	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.370.936.393	10.329.571.808
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.454.209.348	(11.380.475.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(45.609.455.746)	(26.115.086.707)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.181.791.405	14.462.815.315
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(482.483.213)	(951.269.203)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(76.294.182)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.975.152.461)	(2.302.266.320)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(599.110.000)	(353.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.735.558.456)	(16.310.510.814)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.520.229.194)	(1.881.780.767)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2020)	Năm trước (01/10-31/12/2019)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		281.322.708	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.238.906.486)	(1.881.780.767)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		40.528.422.410	5.033.336.680
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.230.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.298.422.410	5.033.336.680
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		25.323.957.468	(13.158.954.901)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39.632.790.637	50.545.556.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.644.532)	(35.826.375)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		64.941.103.573	37.350.775.509

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh



Lập ngày 18 tháng 01 năm 2021

Giám đốc

Trần Công Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I niên độ 2020-2021 (Từ 01/10/2020-30/09/2021)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2020 : 22.985 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Tiền mặt		1.527.381.502	1.265.938.341		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		8.713.722.071	2.766.852.296		
Các khoản tương đương tiền		54.700.000.000	35.600.000.000		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng					
Cộng		64.941.103.573	39.632.790.637		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		1.707.855.859	2.625.935.609		
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		1.021.583.200	1.039.295.000		
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		2.538.003.700	4.639.584.600		
Công Ty TNHH Giấy Nhân Thành		525.535.500	0		
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát		692.963.210	156.602.045		
Công ty TNHH sản xuất thương mại Đạt Phương		770.473.907	1.000.770.163		
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát		720.220.090	724.999.440		
Công ty TNHH một thành viên QUAN - JIA		1.107.018.772	268.092.547		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		3.145.577.698	4.415.515.065		
Khách hàng khác		826.727.643	2.731.595.066		
Cộng		13.055.959.579	17.602.389.535		
4. Trả trước cho người bán ngắn		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hưng		0	3.500.000.000		
Công ty TNHH Phước Long		0	600.000.000		
Công ty TNHH MTV Tâm ánh		464.475.000	202.950.000		
Công ty TNHH DVTM cơ khí xây dựng Nam Nghĩa		0	221.096.700		
Công ty TNHH xây dựng và thương mại 268 Yên Bái		500.000.000	0		
Khách hàng khác		196.974.000	253.939.000		
Cộng		1.161.449.000	4.777.985.700		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/12)		Đầu năm (01/10)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan		889.931.700		889.931.700	
Phải thu Ban lãnh đạo-Tiền tạm ứng		889.931.700		889.931.700	
Phải thu các tổ chức cá nhân khác		1.168.233.463		1.459.476.155	
Thuế TNCN phải thu của người lao động		-		5.656.212	
Tạm ứng		1.107.954.000		1.317.000.000	
Phải thu lãi tiền gửi		0		56.397.809	
Các khoản phải thu khác		60.279.463		80.422.134	
Cộng		2.058.165.163		2.349.407.855	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng	
Số đầu năm	(5.657.550)			-	
Trích lập dự phòng bổ sung				-	
Giảm do thu hồi được nợ				-	
Số cuối kỳ				(5.657.550)	
7. Hàng tồn kho		Cuối năm (31/12)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu;	14.607.046.979		7.711.269.440		
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.056.867.132		1.048.296.168		
Thành phẩm;	40.451.415.632	-	2.746.308.389		
Hàng gửi bán;					
Cộng	57.115.329.743	-	11.505.873.997	-	
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		Cuối kỳ	Đầu năm		
CP Phụ tùng thay thế, sửa chữa tại NM sản		123.843.870	26.456.440		
Công cụ, vật tư NM giấy Văn Chấn		9.857.400			
CP vật tư, nhân công tại NM Quế		53.173.514			
CP vật tư phụ tùng thay thế tại Minh Quân		10.593.000			
BHLĐ Công ty và các Nhà máy; Khấu hao máy bóc gỗ		311.471.869			
Cộng		508.939.653	26.456.440		
9. Chi phí trả trước dài hạn		Cuối kỳ	Đầu năm		
Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm		89.588.853	113.777.559		
Công cụ dụng cụ tại Văn phòng		49.435.795	87.025.000		
Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và quạt hút tuần hoàn tại Yên Bình		133.284.895	250.301.611		
Chi phí Sửa chữa lớn TSCĐ tại Phú Thịnh		382.800.792	419.846.031		
Phí khai thác nước mặt tại Yên Hợp		35.454.550	38.409.094		
Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân		119.538.798	138.259.152		
Chi phí sửa chữa đường dây 35KV -Yên Hợp		307.758.663			
Cân sấy ẩm, máy đo độ trắng tại NM sản Văn Yên		163.394.590			
Cộng		1.281.256.936	1.047.618.447		
10. Phải thu dài hạn khác		Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-		-		
Cộng	-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	59.803.789.336	74.465.399.577	5.652.284.712	537.871.369	609.470.036	141.068.815.030
Tăng trong kỳ	4.994.220.232	20.571.009.395				25.565.229.627
-Do mua sắm mới	4.994.220.232	20.571.009.395				25.565.229.627
-Do phân loại TSCĐ						
-Do phân loại TSCĐ						
-Do XDCB hoàn thành						
Giảm trong kỳ						
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	64.798.009.568	95.036.408.972	5.652.284.712	537.871.369	609.470.036	166.634.044.657
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	43.827.736.040	50.518.349.510	1.835.988.345	354.450.000	609.470.036	97.145.993.931
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	52.724.647.624	59.067.904.866	4.374.476.423	410.495.418	609.470.036	117.186.994.367
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	743.793.634	1.588.335.731	159.012.348	15.285.114		2.506.426.827
- Tăng do điều chỉnh phân loại						
- Tăng do điều chỉnh phân loại						
Giảm trong kỳ						
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	53.468.441.258	60.656.240.597	4.533.488.771	425.780.532	609.470.036	119.693.421.194
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.079.141.712	15.397.494.711	1.277.808.289	127.375.951		23.881.820.663
Số cuối kỳ	11.329.568.310	34.380.168.375	1.118.795.941	112.090.837		46.940.623.463

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	14.250.000	157.439.516	13.560.484

13. Chi phí XDCB dở dang

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Sửa chữa lớn TSCĐ	30.373.000	144.657.159	3.700.000	171.330.159
Chi phí hút vệt bùn vệ sinh hồ bioga, hệ thống nước, sửa chữa NC-VKT tại nhà máy Sản Văn Yên	30.373.000		3.700.000	26.673.000
Vật tư sửa chữa lớn giấy Yên Hợp		63.015.823		63.015.823
Vật tư sửa chữa lớn giấy Yên Bình		38.670.318		38.670.318
Vật tư sửa chữa lớn giấy Minh Quân		5.828.500		5.828.500
Sửa chữa NM giấy Văn Chấn		37.142.518		37.142.518
Xây dựng cơ bản dở dang	14.895.093.360	10.423.596.218	24.609.553.810	709.135.768
Chi phí dự án cải tạo tổng thể nhà máy sản Văn Yên 2020	14.867.653.360	5.045.460.450	19.913.113.810	-
Hệ thống MMTB sản xuất bã sản khô		4.669.000.000	4.669.000.000	
Chi phí sửa chữa MMTB, mở rộng kho, cải tạo mương dẫn thành hồ điều hòa NM sản Văn Yên	27.440.000		27.440.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà tập thể sản VY		245.498.894		245.498.894
Chi phí tăng lưu lượng nước sạch NM sản VY		172.617.500		172.617.500
Chi phí làm hệ thống khử mùi hôi hồ điều hòa sản VY		121.123.010		121.123.010
Chi phí đào bể chứa bã sản tươi NM sản		169.896.364		169.896.364
Cộng	14.925.466.360	10.568.253.377	24.613.253.810	880.465.927

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	96.287.215	106.365.500
Công ty TNHH An Hoa	461.175.000	482.625.000
Công ty cổ phần Đông á	602.785.150	85.695.786
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	424.600.000	590.700.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	458.975.000	338.470.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	195.109.200	216.845.200
Công ty CP Việt Thịnh	892.025.600	-
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	625.509.159	570.419.322
Công ty cổ phần Kỹ thương Đại Việt	500.000.000	500.000.000
Bàn Thị Hằng (Đại lý sản)	877.943.400	
Triệu Văn Lâm (Đại lý sản)	650.955.700	
Nguyễn Duyên Thành (Đại lý sản)	567.312.200	
Nguyễn Thị Kim Oanh (Đại lý sản)	1.272.703.600	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	549.173.300	
Trần Thị Nghiệp (Đại lý sản)	1.055.125.500	
Đặng Thiết Hùng (Đại lý sản)	1.744.037.400	
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	711.065.600	
Trần Văn Thảo (Đại lý sản)	395.757.400	
Vũ Thị Mua (Đại lý sản)	126.063.700	
Vũ Thị Hằng (Đại lý sản)	793.362.900	
Bùi Văn Thiêm (Đại lý sản)	780.768.500	
Phải trả các đối tượng khác	2.570.948.010	1.502.482.753
Cộng	16.351.683.534	4.393.603.561

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty HUEI TAI TRADING CO		-
Công ty TNHH KD thương mại và DV Dương Duy	30.050.000	30.050.000
Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu và xây dựng Hưng Hiệp	1.357.360.000	-
Công ty TNHH XNK Quảng Phát	2.092.700.000	-
Công ty TNHH Thương mại Bích Ngọc	790.420.000	-
Công ty TNHH một thành viên nông sản Đông Hưng	130.067.978	-
Công ty CP JUNMA Yên Bái	178.886.460	178.886.460
Phải trả cho các đối tượng khác	315.319.661	35.475.521
Cộng	4.894.804.099	244.411.981

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.335.729.480	12.146.789.649	15.797.723.174	2.684.795.955
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	47.713.500	47.713.500	0
Thuế nhập khẩu	0			0
Thuế TNDN	2.975.152.461	2.407.700.106	2.975.152.461	2.407.700.106
Thuế thu nhập cá nhân	0	189.161.431	189.161.431	0
Thuế tài nguyên	10.433.880	73.763.010	52.526.610	31.670.280
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	286.442.980	181.646.206	381.800.711	86.288.475
Các loại thuế khác	0			0
Cộng	9.607.758.801	15.046.773.902	19.444.077.887	5.210.454.816

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường quý 1 năm 2020	-	334.458.824
Phí Dịch vụ môi trường rừng Quý 4 năm 2020	14.673.248	-
Trích trước Chi phí lãi vay	-	-
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoán	280.480.830	-
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	241.674.885	-
Chi phí nhân giống, ủ phân NM sản	120.041.865	-
Chi phí Quản lý NM sản	209.786.104	-
Chi phí tiền điện	308.306.822	161.035.680
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	50.570.940	55.000.000
Cộng	1.225.534.694	550.494.504

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	109.101.902	218.398.760
Tiền BHXH phải trả cho Người lao động		
Bảo hiểm xã hội		720.241.118
Phải trả khác tại VP	64.794.001	55.852.000
Tiền cổ tức niên độ 2019-2020	20.944.092.000	
Phải trả khác	162.129.792	218.017.321
Tiền Tiết kiệm vật tư	50.451.100	166.874.520
Tiền tiền bốc vác, CP khác	111.678.692	51.142.801
Cộng	21.280.117.695	1.212.509.199

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	-	-	30.272.001.207	30.272.001.207
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái			8.026.421.203	8.026.421.203
Cộng	-	-	38.298.422.410	38.298.422.410

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	32.502.001.207	2.230.000.000	30.272.001.207
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái		8.026.421.203		8.026.421.203
	-	40.528.422.410	2.230.000.000	38.298.422.410

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước phục vụ cho việc sửa chữa lớn, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị.

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	451.994.122	1.204.653.461	287.000.000	1.369.647.583
Quỹ phúc lợi	1.840.145.405	1.204.653.460	312.110.000	2.732.688.865
	2.292.139.527	2.409.306.921	599.110.000	4.102.336.448

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

22. Phải trả người bán dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000
23. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	1.589.316.120	21.837.313.622	76.109.920.413
Lợi nhuận trong kỳ				30.116.336.512	30.116.336.512
Trích lập các quỹ trong kỳ			430.045.270	(2.450.226.348)	(2.020.181.078)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Chi cổ tức				(18.326.080.500)	(18.326.080.500)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Số dư cuối năm trước	52.360.230.000	323.060.671	2.019.361.390	31.177.343.286	85.879.995.347
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000	323.060.671	2.019.361.390	31.177.343.286	85.879.995.347
Lợi nhuận trong kỳ				16.222.509.421	16.222.509.421
Trích lập các quỹ trong kỳ			6.023.267.302	(6.023.267.302)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.409.306.921)	(2.409.306.921)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(301.163.365)	(301.163.365)
Chi cổ tức niên độ 2019-2020 (40%)				(20.944.092.000)	(20.944.092.000)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP				-	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ				-	-
Bán cổ phiếu quỹ				-	-
Số dư cuối năm nay	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	17.722.023.119	78.447.942.482

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông		52.360.230.000	52.360.230.000
Thặng dư vốn cổ phần		323.060.671	323.060.671
Cộng		52.683.290.671	52.683.290.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		0	-
d) Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành		5.236.023	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		5.236.023	5.236.023
+ Cổ phiếu phổ thông		5.236.023	5.236.023
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		5.236.023	5.236.023
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000	10.000
đ) Cổ tức			
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		3.098	5.751
e) Các quỹ của doanh nghiệp:			
- Quỹ đầu tư phát triển;		8.042.628.692	2.019.361.390
20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		Cuối năm	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		3.484.958.587	6.584.318.240
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại: USD			473.291,06

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	152.459.405.944	107.401.110.383
Trong đó: Doanh thu nội địa	129.527.090.968	84.253.637.358
ĐT xuất khẩu trực tiếp	22.932.314.976	23.147.473.025
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	16.702.860.800	17.847.399.200
<i>Tương đương Tiền USD</i>	726.685,26	771.510,00
- DT Sản phẩm Giấy để XK	6.229.454.176	5.300.073.825
<i>Tương đương Tiền USD</i>	271.022,59	229.096,83
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	-
<i>Quy ra USD</i>	-	-
Tổng cộng USD:	997.707,85	1.000.606,83
Các khoản giảm trừ doanh thu	579.496.100	
Doanh thu thuần	151.879.909.844	107.401.110.383

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	579.496.100	0
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	124.594.786.460	90.282.686.555
	124.594.786.460	90.282.686.555
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	188.190.160	465.339.300
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	59.306.356	24.057.840
- Chiết khấu được hưởng	34.448.912	0
Cộng	281.945.428	489.397.140
5. Chi phí tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	48.046.195	11.080.776
- Lãi tiền vay;	76.294.182	
	124.340.377	11.080.776
6. Thu nhập khác		
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	0	48.181.819
Cộng	-	48.181.819
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	2.443.643	-
- Chi phí khác	106.347	26.200.637
- Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
Cộng	2.549.990	26.200.637
8. Chi phí bán hàng và chi phí		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	3.344.858.322	4.578.079.484
Chi phí vật liệu quản lý	44.883.630	68.876.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	250.721.914	96.801.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	107.191.002	159.328.149
Thuê, phí và lệ phí	811.243.440	419.110.001
Chi phí dự phòng	61.955.074	153.323.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345.006.470	374.058.729
Chi phí bằng tiền khác	1.334.591.547	1.223.030.525
Cộng	6.300.451.399	7.072.608.276
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	2.509.517.519	2.412.872.455
Cộng	2.509.517.519	2.412.872.455

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.407.700.106	1.381.789.228
	2.407.700.106	1.381.789.228

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Trần Công Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)		Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.887.783.891	31.476.443.476	16.702.860.800	103.800.052.300	173.110.272	306.939.096	-	152.459.405.944
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		31.386.827.832	14.510.029.270	67.811.717.950	160.441.941		(125.756.800.884)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.887.783.891	62.863.271.308	31.212.890.070	171.611.770.250	333.552.213	306.939.096	(125.756.800.884)	152.459.405.944
Chi phí bộ phận	-	26.454.291.859	16.453.061.447	90.534.379.588	235.579.489			133.677.312.382
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	5.022.151.617	249.799.353	13.265.672.712	(62.469.217)			18.475.154.466
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	281.945.428
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(124.340.377)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.549.990)
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.407.700.106)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	16.222.509.421

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Tại Văn phòng Công ty

Số cuối năm	Giấy để	Giấy vàng mã	Tình bột sản	Tình đầu quý	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	11.010.001.738	2.553.738.788	42.999.415.001	2.570.886.725	187.951.195.971
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.460.619.044	162.909.295	38.043.810.288	963.833.033	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	18.470.620.782	2.716.648.083	81.043.225.289	3.534.719.758	187.951.195.971
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	11.152.667.969	2.562.169.362	57.180.840.703	2.571.968.465	109.503.253.489
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	11.152.667.969	2.562.169.362	57.180.840.703	2.571.968.465	109.503.253.489

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.469.134.249	2.057.135.648	4.150.220.243	759.367.526	116.246.847.630
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.360.266.028	132.150.076	14.749.883.980	1.130.699.600	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	13.829.400.277	2.189.285.724	18.900.104.223	1.890.067.126	116.246.847.630
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	6.469.134.249	2.057.135.648	4.146.282.145	759.367.526	30.366.852.283
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	6.469.134.249	2.057.135.648	4.146.282.145	759.367.526	30.366.852.283

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	129.527.090.968	84.253.637.358
Khu vực xuất khẩu	22.932.314.976	23.147.473.025
Cộng	<u>152.459.405.944</u>	<u>107.401.110.383</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(11.520.229.194)	(1.881.780.767)
Cộng	<u>(11.520.229.194)</u>	<u>(1.881.780.767)</u>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn

